

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2021

*“V/v Chia tài sản chung của vợ
chồng sau ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Ông Nguyễn Văn Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Anh Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Như Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

**Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Q có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Như Q trình bày: Bà Huỳnh Thị Như Q và ông Nguyễn Đình T trước đây là vợ chồng, theo Bản án số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C thì bà Q và ông T đã ly hôn. Trong quá trình chung sống bà Q và ông T có tạo lập được khối tài sản chung là nhà xây cấp 4 nằm trên diện tích 253m² thuộc thửa đất 581 tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất số AH 048111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/3/2007 cho ông Nguyễn Đình T và bà Huỳnh Thị Như Q. Theo định giá thì giá trị đất là 440.000.000 đồng, giá trị tài sản trên đất là 108.142.164 đồng. Bà Q yêu cầu được chia đôi số tài sản trên, yêu cầu được nhận nhà và đất thanh toán

lại cho ông T 274.071.082 đồng. Vào khoảng thời gian năm 2020 bà Q đã đứng ra sửa chữa nhà cửa với số tiền là 75.000.000 đồng, yêu cầu ông T trả lại cho bà 37.500.000 đồng, đồng thời bà Q đã đứng ra trả hết nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 32.640.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nên bà yêu cầu ông T trả lại cho bà 16.320.000 đồng.

Đối với số tiền 1.600.000 đồng chi phí tố tụng bà Q đã nộp yêu cầu ông T phải trả cho bà 800.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Quỳnh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Q, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc xử lý tài sản chung nên bà Huỳnh Thị Như Q khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung với ông Nguyễn Đình T; vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “*Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*” theo qui định tại khoản 2 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; hiện nay ông Thanh vẫn đang cư trú tại địa bàn huyện C nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Bà Q thừa nhận có tài sản chung yêu cầu Tòa án giải quyết là nhà và đất diện tích 253m² thuộc thửa đất 581 tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất số AH 048111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/3/2007 cho ông Nguyễn Đình T và bà Huỳnh Thị Như Q. Theo định giá thì giá trị đất là 440.000.000 đồng, giá trị tài sản trên đất là 108.142.164 đồng, tổng giá trị tài sản là 548.142.164 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của bà Q và ông T. Việc bà Q yêu cầu được chia đôi tài sản trên, do hiện nay bà Q đang nuôi các con ăn học và ngoài ra không còn chỗ ở nào khác nên yêu cầu được nhận nhà và đất trả lại cho ông T số tiền 274.071.082 đồng, yêu cầu này của bà Qh phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Sau khi ly hôn bà đã đứng ra sửa chữa nhà cửa với số tiền là 75.000.000 đồng, yêu cầu ông Thanh trả lại cho bà 37.500.000 đồng, đồng thời bà Q đã trả hết nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 32.640.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nên bà yêu cầu ông Thanh trả lại cho bà 16.320.000 đồng. Đối với số tiền 1.600.000 đồng chi phí tố tụng bà Q đã nộp yêu cầu ông T phải trả cho bà 800.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các yêu cầu hợp lý cần chấp nhận. Sau khi cân trừ các khoản buộc bà Q trả lại cho ông T số tiền 219.451.082 đồng.

[6] Về án phí: Bà Q, ông T phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản được nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 38, 59, 62 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Như Q về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn” đối với ông Nguyễn Đình T.

1. Bà Huỳnh Thị Như Q được quyền sở hữu quyền sử dụng nhà và đất diện tích 253m² thuộc thửa đất 581 tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất số AH 048111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/3/2007 cho ông Nguyễn Đình T và bà Huỳnh Thị Như Q.

Bà Huỳnh Thị Như Q được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đổi tên người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Bà Huỳnh Thị Như Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình T số tiền 219.451.082 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Như Q phải chịu 13.703.554 đồng án phí dân

sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng bà Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005176 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng, bà Quỳnh còn phải nộp 8.703.554 đồng. Ông Nguyễn Đình T phải chịu 13.703.554 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng